

Số: 150/2024/QĐST-HNGĐ

Đồng Hồ, ngày 25 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 190/2024/TLST/HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: **Chị Đàm Thị B**, sinh năm 1993;

2. Bị đơn: **Anh Trần Hải H**, sinh năm 1991;

Đều cư trú: **Xóm Đ, xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.**

- Căn cứ vào Điều 146, Điều 147, Điều 212, Điều 213, 482, 483 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 51, 54, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: **Chị Đàm Thị B** và anh Trần Hải Hưng.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: **Chị Đàm Thị B** và anh **Trần Hải H** đều xác định

tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí thuận tình ly hôn. Quan hệ hôn nhân giữa chị **Đàm Thị B** và anh **Trần Hải H** chấm dứt kể từ ngày Quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên có hiệu lực pháp luật.

- *Về con chung*: Chị **Đàm Thị B** và anh **Trần Hải H** đều xác định vợ chồng có 01 con chung là **Trần Ngọc Á**, sinh ngày 21/8/2019. Khi ly hôn chị **B** và anh **H** thỏa thuận: Anh **Trần Hải H** là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là **Trần Ngọc Á**, sinh ngày 21/8/2019 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi các bên có sự thay đổi khác.

* *Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung*: Tòa án không giải quyết do chị **B** và anh **H** không yêu cầu.

* *Quyền đi lại thăm nom con chung*: Chị **Đàm Thị B** có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung. Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trong trường hợp cần thiết, vì lợi ích của con chung, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung;

- *Về tài sản chung, nợ chung, tài sản cho vay*: Tòa án không giải quyết do chị **Đàm Thị B** và anh **Trần Hải H** không yêu cầu.

- *Về án phí*: Chị **Đàm Thị B** tự nguyện chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm vào Ngân sách nhà nước (được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp), hoàn trả chị **Đàm Thị B** 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí còn lại, theo biên lai thu số **0007288** ngày **04/9/2024** của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND nơi ĐKKH năm 2018 xã Q, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, bộ phận HNGĐ.

THẨM PHÁN

Mai Thị Hồng Thái

